

Thực trạng phát triển văn hóa nhà trường ở Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Ngọc Phương¹, Đỗ Đình Thái²

¹ Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi
Số 364, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: nguyennphuongq4@gmail.com

² Trường Đại học Sài Gòn
Số 273, đường An Dương Vương, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: thaidd@sgu.edu.vn

TÓM TẮT: Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường là nhiệm vụ không thể thiếu trong nhà trường trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay. Đặc biệt, giáo dục phổ thông chuẩn bị áp dụng chương trình giáo dục phổ thông mới nhấn mạnh phẩm chất và năng lực của học sinh. Bài viết trình bày thực trạng phát triển văn hóa nhà trường ở Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi, Thành phố Hồ Chí Minh ở các nội dung: Phát triển bầu không khí, phát triển văn hóa quản lí, phát triển văn hóa giảng dạy, phát triển văn hóa học tập, phát triển văn hóa ứng xử và phát triển cảnh quan môi trường làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

TỪ KHÓA: Phát triển văn hóa; văn hóa nhà trường; trường trung học phổ thông.

→ Nhận bài 20/5/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 23/6/2019 → Duyệt đăng 25/7/2019.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa nhà trường (VHNT) là một nội dung quan trọng của lãnh đạo và quản lí nhà trường (NT) nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Văn hóa (VH) ảnh hưởng tích cực đến chất lượng giáo dục (GD) trong NT. Mặt khác, VHNT cũng là một phần của chương trình đào tạo trong NT. Do đó, phát triển VHNT là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thương hiệu, uy tín của trường và quan trọng hơn hết là đạt được mục tiêu GD.

VH luôn tồn tại trong mọi hoạt động của NT. VHNT sẽ giúp cho NT thực sự trở thành một trung tâm VH GD, là nơi hội tụ sức mạnh của trí tuệ và lòng nhân ái trong xã hội, góp phần quan trọng tạo nên sản phẩm GD toàn diện. Phát triển VHNT nói chung và phát triển VHNT trong Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Trãi là một nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn. VHNT có ảnh hưởng đến mọi thành viên trong NT, đến mọi hoạt động trong NT, đến uy tín và chất lượng đào tạo, liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của một NT. VHNT được biểu hiện ở hầu hết các khía cạnh từ tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, quy tắc ứng xử... tạo nên giá trị, thương hiệu, nét đặc trưng cho một NT. Vì vậy, NT phải xác định tầm quan trọng trong việc phát triển VHNT. Phát triển VHNT cần phải được nghiên cứu chuyên sâu để đưa ra được các biện pháp phát triển VHNT phù hợp. Đặc biệt, phát triển VHNT cần được xem là một nội dung quan trọng trong hoạt động GD, là nhiệm vụ không thể thiếu trong công tác quản lí của cán bộ quản lí (CBQL) nhà trường. Bài viết phân tích thực trạng phát triển VHNT trong Trường THPT Nguyễn Trãi, làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển VHNT hiệu quả hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm văn hóa nhà trường trong trường trung học phổ thông

Ở phương Tây, trong thời cận hiện đại, khái niệm VH được sử dụng phổ biến để chỉ trình độ học vấn, học thức, tri thức, phép lịch sự. Do nhu cầu phản ánh các hoạt động xã hội, khái niệm VH đã được mở rộng trên nhiều lĩnh vực của đời sống. Ở phương Đông, khái niệm VH được mở rộng vào đời sống tinh thần chỉ các phong tục, tập quán, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng, nhân cách, sáng tạo nghệ thuật. Cho đến nay, có nhiều cách tiếp cận VH theo những quan điểm khác nhau [1, tr.213].

Tylor (1871) đã đưa ra một định nghĩa về VH mà đến nay vẫn được coi là định nghĩa kinh điển trong tác phẩm nổi tiếng “VH nguyên thủy”, đó là “VH là tổ hợp các tri thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và các năng lực, thói quen khác mà con người với tư cách là thành viên của xã hội tiếp thu được” [2]. Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi nghiên cứu các hiện tượng và giá trị VH ở nhiều dân tộc, đã đi đến nhận xét: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là VH. VH là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [3].

Tóm lại, VH là sản phẩm của loài người, VH được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người với xã hội. VH được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. VH được tái tạo và phát triển trong

quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. VH là trình độ phát triển của con người và xã hội, biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống, hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà con người tạo ra. Nhiều tác giả có những công trình nghiên cứu liên quan đến VHNT với cách tiếp cận và nghiên cứu khác nhau.

Jane và Crang (1996) quan niệm: “VHNT bao gồm các giá trị, biểu tượng, niềm tin và sự chia sẻ các quan niệm của học sinh (HS), giáo viên (GV), cha mẹ HS và các thành viên có liên quan như là một nhóm hay cộng đồng [4]. Kent và Terrence (2009) đưa ra định nghĩa: “VHNT là tập hợp các chuẩn mực, giá trị và niềm tin, các nghi lễ và nghi thức, các biểu tượng và truyền thống tạo ra “vẻ bề ngoài” của NT” [5, tr.8].

Phạm Quang Huân (2007) [6, tr.3], Vũ Thị Quỳnh (2016) [7] và Đỗ Tiến Sỹ (2016) [8] đều có cùng quan niệm khi cho rằng VHNT là hệ thống niềm tin, giá trị, chuẩn mực, thói quen và truyền thống hình thành trong quá trình phát triển của NT.

Từ những định nghĩa trên có thể rút ra những đặc điểm cơ bản trong định nghĩa VHNT, đó là: 1/ VHNT là một tập hợp các chuẩn mực, các giá trị, niềm tin và hành vi ứng xử; 2/ VHNT là những nét đặc trưng riêng biệt, tạo nên sự khác biệt của NT với các tổ chức khác và sự khác biệt giữa trường này với trường khác; 3/ VHNT liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của NT; 4/ VHNT là những giá trị tốt đẹp được hình thành bởi một tập thể và được mỗi cá nhân trong NT chấp nhận; 5/ VHNT tốt hướng tới chuẩn chất lượng cao.

Tóm lại, VHNT trong trường THPT là một tập hợp các chuẩn mực, các giá trị, niềm tin và hành vi ứng xử; Là những nét đặc trưng riêng biệt, tạo nên sự khác biệt của NT với các tổ chức khác và sự khác biệt giữa các trường THPT. VHNT liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của NT là những giá trị tốt đẹp được hình thành bởi một tập thể, được mỗi cá nhân trong NT chấp nhận và phù hợp với lứa tuổi HS THPT.

2.1.2. Khái niệm phát triển văn hóa nhà trường trong trường trung học phổ thông

Theo quan điểm Triết học, phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Quá trình vận động đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình diễn ra theo đường xoắn ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở mức (cấp độ) cao hơn.

Thuật ngữ “phát triển” trong nghiên cứu bao hàm hoạt động quản lý phát triển VHNT mà chủ thể quản lý là hiệu trưởng tác động đến các hoạt động trong NT nhằm bảo tồn và phát triển các giá trị VH, tạo nên đặc trưng của VHNT THPT và khác biệt với các trường THPT khác.

VHNT là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và tạo nên thương hiệu riêng cho mỗi NT. Phát triển

VHNT được hiểu là quá trình kế thừa, xây dựng và sáng tạo nên giá trị VH đặc trưng trong NT. Phát triển VHNT không hoàn toàn ở việc tạo nên một giá trị VH mới. Phát triển còn là kế thừa những giá trị VH tích cực phù hợp với điều kiện hoàn cảnh từng NT, đồng thời cũng loại bỏ đi những giá trị tiêu cực, không phù hợp hoặc cản trở sự phát triển của NT [9]. Do vậy, phát triển VHNT trong trường THPT là quá trình mà chủ thể quản lý (hiệu trưởng) thực hiện chức năng quản lý thông qua thực hiện các hoạt động tác động đến các nội dung của VHNT nhằm kế thừa, giữ gìn và phát huy những giá trị VH tích cực tồn tại trong NT, đồng thời giúp NT phát triển ổn định và đạt được mục đích GD. Phát triển VHNT trong trường THPT là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực đóng góp của tất cả các thành viên trong NT, trong đó nhấn mạnh vai trò đi đầu của hiệu trưởng NT.

2.2. Thực trạng phát triển văn hóa nhà trường ở Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi

2.2.1. Giới thiệu về khảo sát

a. Mục đích khảo sát

Nghiên cứu thực hiện khảo sát các đối tượng khảo sát là CB, GV và HS các khối 10, 11 và 12 để làm sáng tỏ thực trạng phát triển VHNT trong Trường THPT Nguyễn Trãi.

b. Nội dung khảo sát

Nghiên cứu thực hiện khảo sát các yếu tố phát triển VHNT gồm phát triển bầu không khí, phát triển VH quản lý, phát triển VH giảng dạy, phát triển VH học tập, phát triển VH ứng xử và phát triển cảnh quan môi trường.

c. Đối tượng và mẫu khảo sát

- Đối tượng khảo sát bao gồm: Cán bộ (CB), GV và HS Trường THPT Nguyễn Trãi.

- Mẫu khảo sát: Phạm vi không gian nghiên cứu của đề tài là Trường THPT Nguyễn Trãi, số lượng CB, GV và HS được chọn khảo sát như Bảng 1.

Đối với GV, tác giả chọn mẫu phù hợp/ đáp ứng mục tiêu nghiên cứu. Đối với HS, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Với đối tượng CB, GV: Do số lượng tổng thể nhỏ nên tác giả chọn kích cỡ mẫu là 100%. Với đối tượng HS: Tác giả chọn kích cỡ mẫu với độ chính xác là 95%, sai số $\pm 5\%$ theo công thức tính như sau [10]:

$$n = \frac{N}{(1 + N \times e^2)}$$

Với n = kích thước mẫu; N = số lượng tổng thể; e = sai số tiêu chuẩn

Bảng 1: Số lượng CB, GV và HS được khảo sát thực trạng

Đối tượng khảo sát	Số lượng tổng thể	Kích thước mẫu	Số lượng khảo sát
CB, GV	103	103	91
HS khối 10	684	252	255
HS khối 11	525	227	230
HS khối 12	513	225	230

d. Thu thập và xử lý thông tin

Tác giả thu thập thông tin bằng cách phát phiếu khảo sát đến các GV, HS theo số lượng mẫu đã chọn. Ngoài ra, tác giả phỏng vấn thêm một số CB, GV và HS để xác thực thông tin đã thu thập được cũng như làm cơ sở hiệu chỉnh phiếu khảo sát. Thông tin sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng công cụ Excel và SPSS. Kết quả tính toán độ tin cậy Cronbach’s Alpha của các nội dung đạt trên 0,833, trong đó một số nội dung có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 đã được loại bỏ trong phân tích kết quả.

2.2.2. Kết quả khảo sát

Nội dung khảo sát gồm phát triển bầu không khí, phát triển VH quản lí, phát triển VH giảng dạy, phát triển VH học tập, phát triển VH ứng xử và phát triển cảnh quan môi trường. Khảo sát ý kiến của CB, GV và HS về mức độ thực hiện các nội dung phát triển VHNT ở Trường THPT Nguyễn Trãi được thực hiện trên thang đo Likert từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Trong thống kê, tác giả viết tắt giá trị trung bình là GTTB và độ lệch chuẩn là ĐLC.

a. Phát triển bầu không khí

Thực trạng phát triển bầu không khí được CB, GV đánh giá với GTTB từ 3,57 đến 4,10. Trong đó, nội dung “Hiệu trưởng có sự ảnh hưởng lớn về phong cách, tác phong đối với CB, GV và HS” được đánh giá cao nhất với GTTB là 4,10. Tiếp đến là nội dung “Tổ chức xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy chế làm việc của các bộ phận, tổ” với GTTB 3,99. Các nội dung còn lại của hoạt động phát triển bầu không khí được đánh giá đồng đều nhưng ở mức chưa cao (xem Bảng 2).

Bảng 2: Ý kiến CB, GV về phát triển bầu không khí

Nội dung	GTTB	ĐLC
Thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng bầu không khí NT.	3,73	1,07
Xây dựng kế hoạch phát triển bầu không khí trong NT.	3,76	1,07
Tổ chức xây dựng môi trường có kỉ luật và an toàn.	3,57	1,13
Tổ chức xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy chế làm việc của các bộ phận, tổ.	3,99	0,97
Hiệu trưởng có sự ảnh hưởng lớn về phong cách, tác phong đối với CB, GV và HS.	4,10	1,01
Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và ghi nhận sự đóng góp của cá nhân về vấn đề phát triển bầu không khí NT.	3,64	1,37

Ngoài ra, trao đổi ý kiến về yếu tố này với GV và HS, họ cho rằng “...không khí làm việc ở trường khá thoải mái, Ban Giám hiệu gần gũi, thân thiện và cởi mở với GV, ...” (GV nữ, 24 tuổi); “... môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, tuy nhiên kỉ luật cần được chấn chỉnh ở một số bộ phận, vẫn

còn tình trạng phụ huynh phản ánh, ...” (GV nam, 31 tuổi); “... vẫn có trường hợp GV không thẳng thắn góp ý với NT trong các buổi họp hoặc gặp trực tiếp Ban Giám hiệu để trao đổi mà bàn tán xôn xao bên ngoài ...” (GV nữ, 53 tuổi) và “... các bạn trong lớp hòa đồng, giúp đỡ nhau trong học tập, khi không hiểu bài, các bạn học giỏi trong lớp sẵn sàng hướng dẫn lại, ...” (HS khối 12, nam). Căn cứ kết quả khảo sát cho thấy, hiệu trưởng đã có sự ảnh hưởng lớn về phong cách, tác phong đối với CB, GV và HS. Vì vậy, hiệu trưởng cần duy trì và phát huy phong cách lãnh đạo, tác phong hiện tại. Tuy nhiên, NT cần chú ý và quan tâm hơn về tổ chức xây dựng môi trường có kỉ luật và an toàn trong NT.

b. Phát triển VH quản lí

Kết quả khảo sát CB, GV về thực trạng phát triển VH quản lí ở Bảng 3 có GTTB từ 3,84 đến 4,13 tương đối cao và đồng đều ở các nội dung. Trong đó, nội dung “Xây dựng và duy trì các hoạt động truyền thống của NT” được đánh giá cao nhất với GTTB là 4,13; nội dung “Hiệu trưởng xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hoạt động và truyền tải đến tất cả các thành viên trong NT” được đánh giá chưa cao. Kết quả này cũng phù hợp với những thông tin thu thập được từ các cuộc trao đổi với một số CB, GV (xem Bảng 3).

Bảng 3: Ý kiến CB, GV về phát triển VH quản lí

Nội dung	GTTB	ĐLC
Hiệu trưởng có xây dựng phong cách lãnh đạo cho CBQL	4,10	1,03
Hiệu trưởng xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hoạt động và truyền tải đến tất cả các thành viên trong NT.	3,84	1,17
Có kế hoạch, tổ chức, giám sát, kiểm tra các hoạt động chuyên môn.	4,12	1,07
Chủ động khai thác và làm chủ các thông tin trong và ngoài NT.	3,90	1,03
Quản lí việc xây dựng bầu không khí NT.	3,99	1,07
Xây dựng và duy trì các hoạt động truyền thống của NT.	4,13	1,01
Kiểm tra, giám sát, đánh giá về nghi lễ, nghi thức và truyền thống của NT.	3,99	0,99

Thông tin trao đổi từ CB, GV và HS về VH quản lí: “... mục tiêu, chiến lược hoạt động của NT được thể hiện trong kế hoạch năm học và triển khai đến tất cả CB, GV vào đầu năm học, ...” (CBQL nam, 55 tuổi); “... GV được NT tạo mọi điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ...” (GV nữ, 32 tuổi); “...sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hoạt động của NT có nghe đọc qua trong buổi họp đầu năm nhưng không nhớ nội dung của nó là gì, ...” (GV nữ, 42 tuổi) và “..., đa số thầy cô giảng bài dễ hiểu, gần gũi với HS nên dễ trao đổi với thầy cô khi không hiểu bài.

Tuy nhiên, cũng có một số thầy cô rất khó tính và nghiêm khắc, ..." (HS khối 12, nữ).

Từ kết quả khảo sát và phân tích đánh giá có thể nhận định rằng phát triển VH quản lý trong NT được thực hiện tốt. Tuy nhiên, việc xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hoạt động và truyền tải đến tất cả các thành viên trong NT chưa được triển khai rộng rãi. Vì vậy, NT cần phát huy VH quản lý hiện tại nhưng cần phải đẩy mạnh hoạt động xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hoạt động và truyền tải đến tất cả các thành viên trong NT.

c. Phát triển VH giảng dạy

Kết quả khảo sát CB, GV về thực trạng phát triển VH giảng dạy có GTTB từ 4,07 đến 4,37 là khá cao và đồng đều ở các nội dung. Trong đó nội dung "Hiệu trưởng chỉ đạo lập các kế hoạch giảng dạy, GD" được đánh giá cao nhất. Các nội dung còn lại cũng được đánh giá cao. Có thể thấy rằng quản lý hoạt động giảng dạy, hoạt động GD trong NT được thực hiện tốt (xem Bảng 4).

Bảng 4: Ý kiến CB, GV về phát triển VH giảng dạy

Nội dung	GTTB	ĐLC
Hiệu trưởng chỉ đạo lập các kế hoạch giảng dạy, GD.	4,37	0,94
Chỉ đạo giám sát quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy, GD và hoạt động tự nghiên cứu của GV.	4,22	0,84
Tổ chức các hoạt động phong trào để GV có cơ hội tham gia và phát triển năng lực chuyên môn.	4,07	0,87
Định kì kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của GV một cách công khai.	4,09	0,88

Kết quả khảo sát cho thấy, phát triển VH giảng dạy trong NT được thực hiện tốt, hiệu quả. NT cần duy trì và phát huy kết quả này. Tuy nhiên, NT cũng cần chú ý tổ chức các hoạt động phong trào để GV có cơ hội tham gia và phát triển năng lực chuyên môn để đạt kết quả cao hơn trong phát triển VH giảng dạy.

d. VH học tập

Kết quả khảo sát CB, GV về thực trạng phát triển VH học tập có GTTB từ 3,99 đến 4,25 tương đối cao và đồng đều ở các nội dung. Trong đó, nội dung "Xây dựng quy chế khen thưởng, kỉ luật rõ ràng, phù hợp làm căn cứ đánh giá, xếp loại HS" được đánh giá cao nhất, kế đến là nội dung "Hiệu trưởng chỉ đạo GV thiết kế bài dạy phát huy được tính sáng tạo, khả năng hợp tác của HS" cũng được đánh giá cao (xem Bảng 5).

Nhìn chung, phát triển VH học tập được đánh giá khá tốt với GTTB chung là 4,09. Tuy nhiên, NT cũng cần quan tâm, chú trọng đến nội dung 2 và 3 để có thể phát triển mạnh hơn nữa về VH học tập trong NT.

Bảng 5: Ý kiến CB, GV về phát triển VH học tập

Nội dung	GTTB	ĐLC
Hiệu trưởng chỉ đạo GV thiết kế bài dạy phát huy được tính sáng tạo, khả năng hợp tác của HS.	4,15	0,94
Tổ chức nhiều hoạt động GD về ý nghĩa truyền thống, kĩ năng sống, định hướng giá trị nhân cách người GV để HS được trải nghiệm.	3,99	1,03
Chỉ đạo từng GV quan tâm, theo dõi, quan sát quá trình học tập và rèn luyện của HS.	3,99	0,95
Tổ chức nhiều cuộc thi, phong trào thi đua, các hoạt động ngoại khóa, các tiết học ngoài NT cho HS.	4,08	0,97
Xây dựng quy chế Khen thưởng - Kỉ luật rõ ràng, phù hợp làm căn cứ đánh giá, xếp loại HS.	4,25	0,82
Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa GD để huy động được nhiều nguồn học bổng cho HS.	4,10	0,99

e. Phát triển VH ứng xử

VH ứng xử trong NT được hiểu là các chuẩn mực mang tính đạo đức, thẩm mỹ chi phối hành vi ứng xử của con người trong môi trường học đường được thể hiện qua thái độ, lời nói, cử chỉ, hành động, ... trong những tình huống, hoàn cảnh cụ thể. VH ứng xử có vai trò quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và xã hội. Chính vì vậy, quan tâm và chú trọng đến phát triển VH ứng xử trong NT là rất cần thiết. Kết quả khảo sát CB, GV về thực trạng phát triển VH ứng xử ở Bảng 6 có GTTB từ 3,47 đến 4,19. Nhìn chung, các nội dung đều được đánh giá không cao, trong đó nội dung "Thực hiện khảo sát, đánh giá lại VH ứng xử trong NT" và nội dung "Lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho việc phát triển VH ứng xử" có GTTB chưa cao (xem Bảng 6).

Bảng 6: Ý kiến CB, GV về phát triển VH ứng xử

Nội dung	GTTB	ĐLC
Thực hiện khảo sát, đánh giá lại VH ứng xử trong NT.	3,47	1,35
Xác định mục tiêu phát triển VH ứng xử trong NT.	3,57	1,33
Lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho việc phát triển VH ứng xử.	3,52	1,36
Tuyên truyền và giảng dạy cho HS về những quy tắc ứng xử trong NT.	4,19	0,97
Tổ chức sinh hoạt tập thể, hội thảo chuyên đề về VH ứng xử trong NT cho CB, GV.	3,51	1,38
Tổ chức đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch phát triển VH ứng xử.	3,64	1,33

Qua trao đổi với một số CB, GV cho thấy VH ứng xử trong NT đang có chiều hướng đi xuống, kỉ luật NT chưa nghiêm ở một số trường hợp, vẫn dễ xảy ra tình trạng phụ

huynh HS phản ánh về thái độ phục vụ không tốt của NT khi họ đến liên hệ công tác. VH ứng xử giữa GV và HS cũng có nhiều vấn đề cần chấn chỉnh.

Một số thông tin từ CB, GV và HS: "... sau buổi họp phụ huynh HS đầu năm học nhận được rất nhiều phản ánh về thái độ không tốt của GV với HS trên lớp học,..." (CBQL nam, 55 tuổi); "... cần xử lý nghiêm những bộ phận tiếp phụ huynh HS không tốt, để xảy ra tình trạng phụ huynh HS phản ánh nhiều lần, ..." (GV nữ, 32 tuổi); "... đa phần HS ngoan, lễ phép, tuy nhiên vẫn có không ít HS khi gặp GV ở trong trường nhưng không biết chào hỏi, một số GV trẻ mới ra trường khi gặp thầy cô lớn tuổi cũng không biết chào hỏi..." (GV nữ, 48 tuổi) và "... đa số thầy cô rất thân thiện, gần gũi với HS. Tuy nhiên, vẫn có thầy xưng hô "mày - tao" với HS, ..." (HS khối 11, nữ).

Tóm lại, VH ứng xử trong NT còn nhiều vấn đề gây bức xúc trong CB, GV, HS. Căn cứ vào các nội dung có GTTB thấp để NT có thể xây dựng kế hoạch phát triển VH ứng xử trong thời gian tới đạt hiệu quả cao hơn, đồng thời cần phải chấn chỉnh, khắc phục những ứng xử VH tiêu cực trong NT.

f. Phát triển cảnh quan môi trường

Tổng quan toàn cảnh NT từ cổng, hàng rào, bảng tên trường, các khẩu hiệu, bố trí lớp học, phòng làm việc,... đều toát lên nét VHNT. Nếu các thành viên trong NT chọn cho mình một lối ứng xử phù hợp với những cảnh quan vốn có trong trường học thì chắc chắn họ sẽ có thể cải biến cảnh quan trong chừng mực nào đó để nó trở nên hữu ích hơn đối với hoạt động học tập, giảng dạy và công việc của bản thân (xem Bảng 7).

Bảng 7: Ý kiến CB, GV về phát triển cảnh quan môi trường

Nội dung	GTTB	ĐLC
Lập kế hoạch phát triển các hoạt động xây dựng cảnh quan môi trường.	3,93	1,16
Phân công tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng cảnh quan môi trường.	3,85	1,10
Đẩy mạnh xã hội hóa GD để xây dựng cảnh quan môi trường.	3,98	0,98
Giám sát và đánh giá các hoạt động xây dựng cảnh quan môi trường.	3,92	1,05

Bảng 7 mô tả ý kiến của CB, GV về phát triển cảnh quan môi trường cho thấy GTTB chỉ ở mức tương đối từ 3,85 đến 3,98 và đồng đều ở các nội dung. Qua kết quả khảo sát và thông tin trao đổi cho thấy, vấn đề về ý thức, nhận thức của các thành viên trong việc đối xử với cảnh quan môi trường chưa cao.

Trao đổi ý kiến với một số CB, GV và HS cho biết những năm gần đây, NT đã triển khai nhiều hoạt động nhằm cải thiện và phát triển cảnh quan môi trường. Cơ sở vật chất đáp ứng tương đối tốt cho hoạt động dạy và học. Tuy nhiên, cách hành xử với môi trường cảnh quan của NT cần được chấn chỉnh: Một số HS vẫn chưa có ý thức giữ gìn tài sản chung,

chưa ý thức tiết kiệm nước; Một số CB, GV sử dụng các thiết bị máy móc của NT nhưng không có ý thức bảo quản; Tình trạng xả rác bừa bãi trong khuôn viên trường học vẫn còn diễn ra. Một khi môi trường NT được xây dựng và gìn giữ tốt thì sẽ đạt được kết quả cao trong quá trình sử dụng.

Một số thông tin từ GV và HS: "... trường có nhiều cây xanh, sân trường rộng và được che lưới hạn chế nắng cho HS vui chơi, đầu năm học NT cho sơn mới một số dãy phòng học, thay thế một số bàn ghế hư hỏng, nói chung cơ sở vật chất có cải thiện ..." (GV nam, 48 tuổi); "... NT có đáp ứng đủ số phòng học cho HS học ngày 2 buổi, bố trí phòng nghỉ trưa cho HS bán trú, có phòng nghỉ trưa cho GV. Tuy nhiên, phòng bộ môn chưa được trang bị tốt từ cơ sở vật chất đến các thiết bị hỗ trợ dạy học, phòng nhỏ không đáp ứng tiết dạy thao giảng, ..." (GV nữ, 53 tuổi) và "... lớp học sau giờ ra về nhiều rác, nhà vệ sinh không sạch, ý thức sử dụng các thiết bị trong nhà vệ sinh của các bạn quá kém, ..." (HS khối 11, nữ).

Căn cứ vào thực trạng phát triển cảnh quan, môi trường sư phạm hiện đại và an toàn trong NT, để đạt được hiệu quả cao thì NT cần lưu ý đến nâng cao nhận thức cho CB, GV và HS trong cách hành xử với cảnh quan môi trường trong NT song song với việc hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định, môi trường cảnh quan an toàn, sạch đẹp.

g. Đánh giá chung về thực trạng thực hiện các nội dung

Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV và HS về mức độ thực hiện các nội dung phát triển VHNT được thể hiện ở Bảng 8. Đối với CB, GV, GTTB từng nội dung cho thấy, nội dung "phát triển VH giảng dạy" được đánh giá cao nhất với GTTB là 4,13. Tiếp tiếp là nội dung "phát triển VH học tập" với GTTB 4,09 và nội dung "phát triển VH quản lí" với GTTB 4,01. "Phát triển VH ứng xử" được đánh giá chưa cao với GTTB 3,65. Qua kết quả phân tích về thực trạng thực hiện các nội dung phát triển VHNT cho thấy hiệu trường NT cần đặc biệt quan tâm chú ý đẩy mạnh việc phát triển VH ứng xử, đồng thời cũng cần quan tâm chú ý phát triển bầu không khí và phát triển cảnh quan môi trường để phát triển VHNT (xem Bảng 8).

Bảng 8: Ý kiến về mức độ thực hiện các nội dung phát triển VHNT

Nội dung phát triển VHNT	CB, GV	HS			
		K10	K11	K12	3 khối
1. Bầu không khí	3,80	3,75	3,57	3,12	3,49
2. VH quản lí	4,01	3,57	3,68	3,28	3,51
3. VH giảng dạy	4,19	3,86	3,62	3,15	3,56
4. VH học tập	4,09	3,56	3,50	2,97	3,35
5. VH ứng xử	3,65	3,92	3,45	3,08	3,50
6. Cảnh quan môi trường	3,92	3,50	3,37	2,80	3,23

(Chú thích: K10: Khối 10; K11: Khối 11; K12: Khối 12)

Kết quả đánh giá của HS 3 khối lớp cho thấy HS khối 10 đánh giá các nội dung cao hơn HS khối 11, HS khối 12 đánh giá thấp nhất. Trong đó, nội dung “cảnh quan môi trường” có GTTB thấp ở cả 3 khối lớp. Nội dung “VH học tập” cũng được đánh giá cao.

Nhìn chung, kết quả đánh giá từng nội dung của CB, GV cao hơn kết quả đánh giá của HS. Trong khi CB, GV đánh giá cao nội dung 3, 4 và đánh giá cao nội dung 1, 5. HS đánh giá cao nội dung 3 và đánh giá cao nội dung 4, 6. Điều này cũng có thể hiểu, ở góc nhìn của các em HS, các em chưa hài lòng và mong muốn cao hơn về “phát triển VH học tập”, “phát triển cảnh quan môi trường”, thể hiện sự quan tâm của các em HS đối với những nội dung này. Đối với CB, GV, hoạt động dạy và học là hoạt động quan trọng nhất, cần được ưu tiên nhất trong NT và với những gì NT đã và đang thực hiện được CB, GV đánh giá cao hơn, thể hiện sự quan tâm nhiều hơn so với các nội dung còn lại.

3. Kết luận

Qua khảo sát thực trạng về VHNT và phát triển VHNT trong Trường THPT Nguyễn Trãi, có thể thấy nhận thức về vấn đề phát triển VHNT của các thành viên đã có nhưng chưa đồng đều, thống nhất. Kết quả thống kê mô tả chứng tỏ các hoạt động phát triển VHNT được các thành viên trong nhà trường quan tâm và cố gắng thực hiện cùng với hoạt động dạy học, hoạt động GD. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích kết quả khảo sát cho thấy phát triển VHNT chưa thể hiện rõ nét, có hệ thống, có tính chuyên đề chuyên sâu. Thực trạng thực hiện các hoạt động phát triển VHNT được đánh giá không cao. Tuy nhiên, nhận định các giá trị VH hiện tại trong nhà trường, phát triển VH ứng xử và phát triển cảnh quan môi trường là những vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Dục Quang, (2010), *Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trong nhà trường*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, tr.213 -214.
- [2] Tylor E. B, (1871), *Primitive culture*, Michigan University Press.
- [3] Hồ Chí Minh, (1995), *Toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị Quốc gia.
- [4] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (2007), *Hội thảo khoa học “Xây dựng văn hóa học đường - Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường”*, Hà Nội.
- [5] Kent D. Peterson - Terrence E. Deal, (2009), *The Shaping School Culture Fieldbook*, 2nd Edition.
- [6] Phạm Quang Huân, (2007), *Văn hóa tổ chức, hình thái cốt lõi của văn hóa nhà trường*, Báo cáo Khoa học đăng trên Kí yếu Hội thảo Văn hóa học đường do Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7] Vũ Thị Quỳnh, (2016), *Dân chủ hóa - Yếu tố căn bản trong xây dựng văn hóa nhà trường*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 131, tr. 47 - 49.
- [8] Đỗ Tiến Sỹ, (2016), *Phát triển năng lực nhà giáo trong xây dựng văn hóa nhà trường*, Tạp chí Quản lý Giáo dục (83), tr. 12-14.
- [9] Vũ Thị Quỳnh, (2017), *Thực trạng quản lý phát triển văn hóa nhà trường ở các trường cao đẳng sư phạm vùng Đồng bằng Sông Hồng*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 139, tr. 90 - 95.
- [10] Phạm Văn Quyết - Nguyễn Quý Thanh, (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SCHOOL CULTURAL DEVELOPMENT IN NGUYEN TRAI HIGH SCHOOL, HO CHI MINH CITY

Nguyen Thi Ngoc Phuong¹, Do Dinh Thai²

¹ Nguyen Trai High School
No 364, Nguyen Tat Thanh Street, District 4,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: nguyennphuongq4@gmail.com

² Sai Gon University
No 273, An Duong Vuong Street, District 5,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: thaidd@squ.edu.vn

ABSTRACT: Several school culture concepts such as E. B. Tylor's, Jane Turner & Carolyn Crang's, Kent D. Peterson and Terrence E. Deal's ones have been mentioned and followed by the school cultural development concepts. This work has paid the attention on school cultural development factors, including cultural environment, management culture, teaching culture, learning culture and behavioral culture. The investigation has been done on students, teachers and administrative staffs at Nguyen Trai High school, Hochiminh City. The findings are used for the suggestion on the improving school cultural development in general context.

KEYWORDS: Cultural development; school culture; high school.